tiē xīn

贴心

adjective · considerate, thoughtful

Example Sentences

tā shì yī gè fēi cháng tiē xīn de péng yǒu
她是一个非 常 贴心的 朋 友。

She is a very considerate friend.

nǐ de tiē xīn ràng wǒ hěn gǎn dòng
你的贴心 让 我很 感 动 。

Your thoughtfulness moves me deeply.

Trace each character, then write the word on your own.

贴 贴 贴 贴 贴 贴 贴 贴 贴 贴 贴

贴

心 心 心 心 心 心 心